

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST
Ngày: 26-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 25/ 2019/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số 1, đường A, phường B, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Kiện H; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 2, Đường D, ấp Đ, xã E, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

(theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Ngô Thị Kim P; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch P - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

(theo Giấy ủy quyền số 56/NHNoMT-UQ, ngày 01/10/2021).

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Hồng K, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NLQ1, sinh năm 1959 (vắng mặt).
 2. Anh NLQ2, sinh năm 2002 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông NLQ3, sinh năm 1979 (vắng mặt).
- Địa chỉ: ấp O, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà NLQ4, sinh năm 1961 (vắng mặt).
5. Anh NLQ5, sinh năm 1978 (vắng mặt).
6. Chị NLQ6, sinh năm 1977 (vắng mặt).
7. Chị NLQ7, sinh năm 2004 (vắng mặt).
8. Chị NLQ8, sinh năm 1981 (vắng mặt).
9. Chị NLQ9, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp G, xã P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

10. Ông NLQ10, sinh năm 1961 (vắng mặt).
11. Bà NLQ11, sinh năm 1959 (vắng mặt).
12. Anh NLQ12, sinh năm 1979 (vắng mặt).
13. Chị NLQ13, sinh năm 1982 (vắng mặt).
14. Chị NLQ14, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp O, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2019, đơn xin vắng mặt ngày 26/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Kim P trình bày: Vào ngày 27/9/2017 nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P (Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng số 7302LAV201704107 với bị đơn bà Đặng Thị Hồng K, có nội dung: Ngân hàng cho bà K vay số tiền gốc 710.000.000đ, mục đích vay nuôi cá tra nguyên liệu xuất khẩu; thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ gốc cuối cùng là ngày 27/9/2018, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng thỏa thuận trong hạn là 9% năm, lãi quá hạn 13,5% năm, lãi trả hàng tháng.

Để đảm bảo cho số tiền vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên thì bà K có ký các hợp đồng như sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302LCP201502485, ngày 09/12/2015 là quyền sử dụng đất bà Đặng Thị Hồng K đứng tên Giấy chứng nhận đất số CA 939274, thửa 175, tờ bản đồ số 11, diện tích 366,5 m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 31/12/2014, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 2487+2488+2489, ngày 10/12/2015 bao gồm: Quyền sử dụng đất hộ ông NLQ10 và bà NLQ11 đứng tên Giấy chứng nhận đất số CA 951230, thửa 210, tờ bản đồ số 32, diện tích 4.440,3 m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, do Ủy ban

nhân dân huyện M cấp ngày 31/12/2014. Quyền sử dụng đất hộ ông NLQ10 đứng tên Giấy chứng nhận đất số BL 356163, thửa 404, tờ bản đồ số 10, diện tích 2608,3 m², mục đích sử dụng: đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/12/2012. Quyền sử dụng đất hộ ông NLQ10 đứng tên Giấy chứng nhận đất số BL 356164, thửa 405, tờ bản đồ số 10, diện tích 377,8 m², mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/12/2012, tọa lạc tại ấp O, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7302LCLP201502486, ngày 10/12/2015 là quyền sử dụng đất bà NLQ4 đứng tên Giấy chứng nhận đất số W 849178, thửa 860, tờ bản đồ số 11, diện tích 3.900 m², mục đích sử dụng: đất thổ, vườn, do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 02/7/2003, tọa lạc tại ấp O, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Thực hiện hợp đồng Bà K đã nhận đủ tiền gốc 710.000.000 đồng vào ngày 05/10/2017 và cho đến nay bà K không có trả lãi lần nào, ngày 30/6/2020 bà K trả lãi được 500.000 đồng tiền gốc.

Do bà K vi phạm nghĩa vụ không thực hiện đúng hợp đồng, nên Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch P làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu bà K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch A tiền gốc chưa trả 709.500.000 đồng, lãi chưa trả tính từ ngày 05/10/2017 đến ngày 26/11/2021 là 371.233.438 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 268.670.625 đồng, lãi quá hạn là 102.562.813 đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp bà K không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 trình bày: Qua đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Tiên thừa nhận là đúng và đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn Đặng Thị Hồng K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, nhưng các đương sự vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nêu nội dung vụ án, nhận xét đánh giá chứng cứ và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng. Bị đơn trả gốc, lãi và lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 theo yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng các Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn nộp phí giá ngạch của số tiền phải trả theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P (Ngân hàng) khởi kiện bị đơn bà K việc vay tiền với mục đích nuôi cá tra nguyên liệu xuất khẩu là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thị lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bị đơn Đặng Thị Hồng K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ3, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14 vắng mặt không có lý do; người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng:

1. Yêu cầu bà K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P tiền gốc chưa trả 709.500.000 đồng, lãi chưa trả tính từ ngày 05/10/2017 đến ngày 26/11/2021 là 371.233.438 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 268.670.625 đồng, lãi quá hạn là 102.562.813 đồng) và tiếp tục trả tiền

lãi phát sinh từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp bà K không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo các hợp đồng thế chấp thế để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ3 là chồng của bị đơn Đặng Thị Hồng K thừa nhận và đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng. Bị đơn Đặng Thị Hồng K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14 không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải, xét xử, chứng tỏ việc ký kết, thực hiện hợp đồng là có xảy ra trên thực tế. Do vi phạm thỏa thuận, nên né tránh kéo dài thời gian trả nợ, không đưa ra chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng, không có chứng cứ chứng minh, nên phải chịu hậu quả theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp quy định tại các Điều 90, khoản 2 Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 24, Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Knộp 23.800.000 đồng tiền án phí giá ngạch của khoản tiền phải trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30 và các Điều 35, 39, 91, 147, 150, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P;

1. Buộc bị đơn Đặng Thị Hồng K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P tiền gốc chưa trả 709.500.000 đồng, lãi chưa trả tính từ ngày 05/10/2017 đến ngày 26/11/2021 là 371.233.438 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 268.670.625 đồng, lãi quá hạn là 102.562.813 đồng). Tổng cộng gốc, lãi là 1.080.733.438 đồng (một tỷ không trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày

27/11/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 7302-LAV-201704107, ký ngày 27/9/2017.

2. Trường hợp bị đơn Đặng Thị Hồng K không trả nợ vay cho Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P, thì Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302LCP201502485, ngày 09/12/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 2487+2488+2489, ngày 10/12/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7302LCLP201502486, ngày 10/12/2015 để thu hồi nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Đặng Thị Hồng K nộp 44.422.000 đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long - Phòng giao dịch P 18.657.500 đồng (mười tám triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo biên lai số N^o 0007351, ngày 12 tháng 12 năm 2019.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAT;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CCTHADS huyện Mang Thít;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc